TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:42/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30/8/2024
"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Vân và ông Nguyễn Thanh Sơn.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý sơ thẩm số 465/2024/TLST-HNGĐ ngày 19/7/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐST- HNGĐ ngày 21/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số nhà B L, khu D, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Diệp Văn M, sinh năm 1976; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số nhà B L, khu D, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn bà* Nguyễn Thị T *thể hiện:*

Bà và ông Diệp Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N vào ngày 12/12/2014. Sau kết hôn, vợ chồng bà chung sống cùng với mẹ đẻ bà ở số nhà B L, khu D, phường N nhưng không hạnh phúc. Nguyên nhân chính vợ chồng không hạnh phúc là do tính cách không hợp, không thống nhất quan điểm với nhau và ông M thường xuyên uống rượu. Từ đó, tình cảm vợ chồng nhạt dần. Tuy vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng không ngủ cùng nhau nhiều năm nay. Trước đây, ông M công tác ở quân đội nhưng khi kết hôn đã nghỉ chế độ và đi làm bảo vệ, lương 03 triệu đồng/tháng, thời gian gần đây nghỉ làm không có thu nhập nhưng ở nhà lại thường xuyên rượu chè, kiếm cớ gây sự, chửi bới xúc phạm cả mẹ con bà nên bà quyết định nộp đơn ly hôn. Nay bà không còn tình cảm với ông M, đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn.

Vợ chồng có 01 con chung là Diệp Nhật M1, sinh ngày 09/5/2015. Hiện con vào học lớp 4. Khi ly hôn, bà xin được nuôi con và không yêu cầu ông M cấp dưỡng. Vì ông M không có chỗ ở riêng và công việc ổn định.

Về tài sản, vợ chồng không có nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Theo lời khai của ông* Diệp Văn M *thể hiện:* Ông và bà T kết hôn như bà T trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được gần 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Đến nay, ông vẫn còn tình cảm với bà T nhưng bà T yêu cầu được ly hôn nên ông đề nghị giải quyết theo mong muốn của bà T, không níu kéo. Vợ chồng có 01 con chung như bà T trình bày, ông đề nghị giải quyết con theo nguyện vọng của bà T. Về tài sản, vợ chồng không có nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Kết quả xác minh với* khu dân cư S phường N*:* Vợ chồng ông M bà T chung sống tại số nhà B L, khu D, phường N và có 01 con chung là Diệp Nhật M1. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn khoảng 02 đến 03 năm nay. Nguyên nhân do ông M thường xuyên rượu chè, đối xử với gia đình vợ không đúng mực, không chăm lo kinh tế gia đình. Vợ chồng mâu thuẫn nhiều năm nay, địa phương đã nhắc nhở từng người và hoà giải nhưng không có kết quả. Nay bà T yêu cầu ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo yêu cầu của bà T cho vợ chồng ly hôn và giao con cho bà T nuôi, vì là con gái và điều kiện của bà T chăm sóc con sẽ tốt hơn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ thẩm của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Ý kiến về giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Diệp Văn M. Giao cho bà T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Diệp Nhật M1 và ông M không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản, do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Bà T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều đã được Toà án triệu tập hợp lệ. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn có ý kiến đề nghị xét xử vắng

mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Diệp Văn M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố H vào ngày 12/12/2014 theo quy định của pháp luật. Nên hôn nhân của bà T và ông M là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng mâu thuẫn, không hạnh phúc nhiều năm nay, nguyên nhân chính do bất đồng quan điểm sống, ông M thường uống rượu nên đối xử không đúng mực với mẹ con bà T. Khu dân cư đã nhắc nhở, giảng hoà nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Quá trình giải quyết tại Toà án, Toà án tiến hành hoà giải hai lần nhưng ông M không có mặt. Nay bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông M. Ông M có quan điểm đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của bà T. Xét hôn nhân của vợ chồng bà T và ông M không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T được ly hôn với ông M.

- Về con chung: Bà T và ông M có 01 con chung là Diệp Nhật M1, sinh ngày 09/5/2015. Bà T và ông M đều có quan điểm, khi ly hôn bà T nuôi con phù hợp với nguyện vọng của con muốn được ở với mẹ. Do vậy, giao cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét bà T tự nguyện không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, quan hệ này Toà án không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/NQ- UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Diệp Văn M.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Diệp Văn M có 01 con chung là Diệp Nhật M1, sinh ngày 09/5/2015.

Giao cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Diệp Nhật M1 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự

nguyện của bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Ông M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này của ông M.

3. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0003448 ngày 19/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương (đã nộp xong).

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- UBND phường Nhị Châu, TP. Hải Dương (kết hôn năm 2014);
- Các đương sự;
- Lưu Tòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Hà